TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-PT
Ngày 29-7-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà

Ông Đặng Minh Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 291/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Đình S và bà Vũ Thị N; địa chỉ: Thôn 1, xã Gia Đức, huyện TN, thành phố Hải Phòng; ông S có mặt, bà N vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị N: Ông Lê Đình S, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn 1, xã Gia Đức, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Ngọc Đ, nơi cư trú: Thôn 6, xã Ngũ Lão, huyện TN, thành phố Hải Phòng và bà Nguyễn Thị Đơn; nơi cư trú: Thôn 1, xã Gia Đức, huyện TN, thành phố Hải Phòng; ông Đ có mặt, bà Đơn vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Vũ Ngọc Đ, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Đình S và bà Vũ Thị N trình bày:

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại nhà bà Nguyễn Thị Đơn, địa chỉ: Thôn 1, xã Gia Đức, huyện TN, thành phố Hải Phòng, ông S có cho ông Vũ Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Đơn vay số tiền 150.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 đến ngày 10 tháng 11 năm 2019. Về tiền lãi: Ông Đ và bà Đơn cam kết trả tiền hoa hồng cho ông S. Sau khi ông Đ, bà Đơn cùng có mặt ký giấy cam kết vay tiền ngày 10 tháng 10 năm 2019, ông S có nói phải có gì làm tin thì bà Đơn lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng mang tên bà Đơn và đưa cho ông S làm tin. Sau đó, ông S đã giao đủ số tiền 150.000.000 đồng. Ông Đ là người nhận tiền và đếm tiền, lúc đó có mặt bà Đơn cũng ngồi cạnh ông Đ. Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay tiền đến nay, ông Đ và bà Đơn không trả tiền nợ gốc và hoa hồng cho ông. Nay ông yêu cầu ông Đ và bà Đơn phải trả cho ông số tiền 150.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 10%/năm kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, ông Vũ Ngọc Đ trình bày:

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, vào lúc 18 giờ tại nhà bà Đơn, ông được bà Đơn gọi điện thoại đến nhà bà Đơn ăn cơm, lúc đó ông không biết việc thỏa thuận vay mượn tiền giữa bà Đơn và ông S như thế nào. Ông thấy ông S có ra xe lấy số tiền 150.000.000 đồng và đưa cho bà Đơn. Lúc đó, ông và bà Đơn cùng đếm số tiền 150.000.000 đồng ông S giao cho là đủ. Sau đó bà Đơn đưa lại toàn bộ số tiền đó cho ông. Ông và bà Đơn cùng ký vào giấy cam kết vay tiền. Lúc lấy tiền xong, bà Đơn có đưa cho ông S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thỏa thuận khi nào bà Đơn trả số tiền 150.000.000 đồng cho ông S thì ông S sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đơn. Nay ông S yêu cầu ông và bà Đơn phải trả cho ông S số tiền 150.000.000 đồng, quan điểm của ông không đồng ý trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho ông S vì ông không vay tiền của ông S, ông vay của bà Đơn nên ông sẽ có trách nhiệm trả dần cho bà Đơn hàng tháng.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị Đơn trình bày:

Do bà Đơn không biết chữ nên bà Đơn đề nghị Tòa án ghi lời khai như sau: Bà Đơn và vợ chồng ông S, bà N có quan hệ là người cùng xóm với nhau. Bà Đơn và ông Đ có quan hệ tình cảm với nhau nhưng không phải là vợ chồng. Vào cuối năm 2019, khoảng 6 đến 7 giờ tối, bà Đơn không nhớ ngày tháng chính xác, ông Đ và ông S có vào nhà bà Đơn. Ông Đ có vay của ông S số tiền 150.000.000 đồng để về làm nhà ở My Sơn, Ngũ Lão. Bà chứng kiến việc ông S giao tiền cho ông Đ tại nhà bà. Sau khi giao tiền, ông S có bảo ông Đ ký vào giấy biên nhận, bà nhìn thấy ông Đ ký. Ông S bảo bà ký vào nhưng bà bảo bà không liên quan, đây là việc riêng của ông Đ và ông S. Sau đó bà Đơn thấy ông Đ ký tên bà Đơn vào giấy biên nhận. Sau khi giao tiền cho ông Đ xong, thì ông S bảo ông Đ có gì làm tin cho khoản vay 150.000.000

đồng thì ông Đ bảo bà cho mượn bìa đỏ để gửi ông S làm lòng tin, bà Đơn đồng ý và đưa bìa đỏ cho ông Đ để đưa cho ông S. Ông Đ là người trực tiếp viết vào mặt sau của giấy biên nhận và ký tên bà Đơn vì bà Đơn không biết chữ nên bà Đơn cũng không biết ông Đ viết nội dung gì. Nay ông S khởi kiện, ông Đ là người vay tiền ông S, ông Đ đã nhận tiền thì phải có trách nhiệm trả cho ông S, bà Đơn không liên quan gì. Bà Đơn khẳng định chữ ký trong giấy vay tiền không phải là chữ ký của bà Đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 119, 274, 280, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Buộc ông Vũ Ngọc Đ phải trả cho ông Lê Đình S và bà Vũ Thị N tổng số tiền nợ là 85.146.000 đồng; trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 10.146.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Đơn phải trả cho ông Lê Đình S và bà Vũ Thị N tổng số tiền nợ là 85.146.000 đồng; trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 10.146.000 đồng.

Kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 4 năm 2021, ông Vũ Ngọc Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Ông không vay tiền của ông Lê Đình S, đề nghị Tòa án buộc ông không phải trả tiền cho ông Lê Đình S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yên cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các

quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Đ thừa nhận là người viết và ký vào giấy vay tiền ngày 10 tháng 10 năm 2019 vay 150.000.000 đồng của ông S, bà N. Bà Đơn cũng là người ký vào giấy vay tiền trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ, bà Đơn phải trả khoản tiền vay 150.000.000 đồng và 10% tiền lãi là có căn cứ. Tuy nhiên, khoản nợ này được ông Đ, bà Đơn xác lập nghĩa vụ chung nên đây phải là nghĩa vụ liên đới, theo đó chia kỷ phần mỗi người một nửa theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm: Buộc ông Đ, bà Đơn phải liên đới trả số tiền gốc và lãi là 170.292.000 đồng, chia kỷ phần mỗi người phải trả cho ông S, bà N là 85.146.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ, bà Đơn phải chịu 8.514.600 đồng án phí, cụ thể mỗi người chịu 4.257.300 đồng. Về án phí phúc thẩm, do Bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tiền, ông Vũ Ngọc Đ cư trú tại huyện TN, thành phố Hải Phòng nên căn cứ Điều 26,36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN ,thành phố Hải Phòng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N vắng mặt nhưng đã có ông S là người đại diện theo ủy quyền có mặt; bị đơn bà Đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

- Về nội dung:

[3] Xét kháng cáo của ông Vũ Ngọc Đ: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Giấy cam kết vay tiền ngày 10 tháng 10 năm 2019, bà Nguyễn Thị Đơn và ông Vũ Ngọc Đ có vay của ông Lê Đình S và bà Vũ Thị N số tiền là 150.000.000 đồng. Ngày vay tiền là ngày 10 tháng 10 năm 2019, ngày trả tiền là 10 tháng 11 năm 2019, mục đích vay là phát triển kinh tế. Trong giấy cam kết vay tiền có chữ ký của người cho vay là ông S, bà N và chữ ký của người vay tiền là ông Vũ Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Đơn.

Ông Đ cho rằng ông vay tiền của bà Đơn chứ không vay của ông S, bà N nên ông có trách nhiệm trả dần cho bà Đơn. Bà Đơn không đồng ý trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn vì bà khẳng định ông Đ mới là người vay tiền, bà cho rằng chữ ký có trong giấy vay tiền không phải là chữ ký của bà vì bà không biết chữ.

[4] Xét thấy, Giấy cam kết vay tiền ngày 10 tháng 10 năm 2019 được các bên ký trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận. Thực hiện nội dung Giấy cam kết vay tiền nêu trên, bên cho vay đã chuyển đủ số tiền 150. 000.000 đồng cho bên vay. Bên vay là ông Đ cho rằng mình không vay từ ông S, bà N mà vay từ bà Đơn song ông Đ không có tài liệu chứng cứ chứng minh và bản thân ông Đ thừa nhận ông là người trực tiếp viết và ký vào giấy vay tiền nêu trên. Bà Đơn cho rằng bà không ký vào Giấy cam kết vay tiền, do bà không biết chữ và bà không nhận tiền của ông S, bà N, song Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định chữ ký chữ viết thể hiện đúng là của bà Đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ, bà Đơn phải trả khoản tiền gốc và lãi là 170.292.000 đồng cho ông S, bà N là có căn cứ. Tuy nhiên, do ông Đ, bà Đơn xác lập nghĩa vụ chung nên căn cứ Điều 288 Bộ luật Dân sự, ông Đ, bà Đơn phải liên đới chịu trách nhiệm trả khoản tiền vay và tiền lãi nêu trên, chia theo kỷ phần mỗi người phải chịu một nửa là 85.146.000 đồng.

[5] Từ phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Vũ Ngọc Đ, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự: Ông Đ, bà Đơn phải chịu 8.514.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể mỗi người chịu 4.257.300 đồng. Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116, 119, 274, 280, 288, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Ngọc Đ, sửa Bản án sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Buộc ông Vũ Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Đơn phải liên đới trả cho ông Lê Đình S và bà Vũ Thị N tổng số tiền nợ là 170.292.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu hai trăm chín hai nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi là 20.292.000 đồng (hai mươi triệu hai trăm chín hai nghìn đồng), cụ thể:

- Ông Vũ Ngọc Đ phải trả cho ông Lê Đình S và bà Vũ Thị N tổng số tiền nợ là 85.146.000 đồng (tám mươi lăm triệu một trăm bốn sáu nghìn đồng); trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng (bẩy mươi lăm triệu đồng) và tiền nợ lãi là 10.146.000 đồng (mười triệu một trăm bốn sáu nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Đơn phải trả cho ông Lê Đình S và bà Vũ Thị N tổng số tiền nợ là 85.146.000 đồng (tám mươi lăm triệu một trăm bốn sáu nghìn đồng); trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng (bẩy mươi lăm triệu đồng) và tiền nợ lãi là 10.146.000 đồng (mười triệu một trăm bốn sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Đơn phải chịu 8.514.600 đồng (tám triệu năm trăm mười bốn nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể mỗi người phải chịu 4.257.300 đồng (bốn triệu hai trăm năm bảy nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn ông Lê Đình S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000948 ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Ngọc Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông Vũ Ngọc Đ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015863 ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại Chi cụ Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Thị Thúy Hà